TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 181/2019/HC-PT
Ngày 07-8-2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NTN;
Các Thẩm phán: Ông NXH;
Bà PTVH.

- Thư ký phiên tòa: Ông PTT - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông ĐTT - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 05/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Y.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7349/2019/QĐ-PT ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Khánh Tn sinh ngày 22-12-1948.

Trú tại xóm 1, thôn Trung Đạo, xã Trung Hưng, huyện M, tỉnh Y, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Đại Pg, Luật sư Công ty Luật TNHH Khang Thái - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Y.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trần Ht - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện M, tỉnh Y

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn Kg - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, có mặt.

- Bà Đỗ Thị Nn sinh năm 1954; trú tại xóm 1, thôn Trung Đạo, xã Trung Hưng, huyện M, tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Nn trình bày

Năm 1976 gia đình ông Tn bà Nn mua 56 m^2 đất ao của ông Nguyễn Văn Cg, bà Đỗ Thị T*. Do hạn chế hiểu biết pháp luật nên gia đình ông đã không đăng ký, kê khai sau khi nhận chuyển nhượng; sau đó gia đình đã trực tiếp sử dụng, có san lấp, xây tường, canh tác trên phần đất này ổn định trên 40 năm. Năm 1998 chính quyền địa phương tiến hành đo đạc, ông đã chỉ đo thửa đất và có tên trong sổ mục kê từ năm 1998, phần diện tích này thuộc thửa đất số 108, diện tích 56 m^2, loại đất Ao, sổ mục kê tên chủ sử dụng là Nguyễn Văn Tn (tên khai sinh của ông). Hàng năm gia đình ông đều nộp thuế đầy đủ đối với toàn bộ thửa đất gia đình ông sử dụng, trong đó bao gồm phần đất ao này từ năm 1998. Đến năm 2007 thì chính quyền không thu thuế đối với phần đất ao này. Năm 2008 gia đình ông làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) xã Trung Hưng xem xét giải quyết vấn đề không thu thuế đất ao, đến nay vẫn chưa được giải quyết rõ ràng. Hiện gia đình ông vẫn còn lưu lại các biên lai thu thuế của năm 2004; 2005 và 2007. Năm 2016 gia đình ông xảy ra tranh chấp trên đất này với các hộ giáp ranh, đã viết đơn đề nghị UBND xã Trung Hưng giải quyết. Ngày 22-7-2016, UBND xã Trung Hưng đã có Công văn số 04/UBND về việc trả lời đơn, nội dung cho rằng phần diện tích đất ao 56 m^2 mà gia đình ông yêu cầu UBND xã giải quyết không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông mà thuộc sự quản lý của UBND xã từ trước, nên xã không tổ chức hòa giải. Ông không đồng ý nội dung công văn số 04/UBND, ông đã làm đơn khiếu nại tới UBND xã Trung Hưng và ngày 22-9-2016 UBND xã đã có quyết định số 84/QĐ-CTUBND giữ nguyên nội dung Công văn số 04/UBND. Không đồng ý với Quyết định trên, ngày 13-10-2016 ông tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2. Đến ngày 10-01-2017, Chủ tịch UBND huyện M ra Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, không công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông đối với thửa đất nêu trên. Không đồng ý với nội dung Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10-01-2017 của UBND huyện M nên ông khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND huyện M; công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông đối với phần diện tích đất ao 56 m^2.

2. Người bị kiện trình bày như sau

Ông Nguyễn Khánh Tn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10-01-2017 của chủ tịch UBND huyện M là không có căn cứ vì sau khi ông Tn có đơn khiếu nại Quyết định số 84/QĐ-CTUBND ngày 22-9-2016 của Chủ tịch UBND xã Trung Hưng. Chủ tịch UBND huyện M đã căn cứ các tài liệu chứng cứ do UBND xã Trung Hưng cung cấp, kết quả xác minh làm việc với các hộ dân tranh chấp, với chính quyền địa phương, hồ sơ địa chính lưu tại xã, kết quả đối thoại của Đoàn xác minh và các quy định của pháp luật xác định phần diện tích đất ao ông Tn nêu trong đơn khiếu nại, căn cứ bản đồ đo

đạc qua các thời kỳ (bản đồ 299, bản đồ năm 2005, bản đồ năm 2015) không thể hiện tên chủ sử dụng là cá nhân mà đất do UBND xã quản lý, cụ thể: Bản đồ 299 thửa đất thuộc một phần thửa số 55, diện tích 320 m^2, loại đất ao. Bản đồ 2005 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 16, thửa số 59, diện tích 425 m^2 loại đất TSN (đất nuôi trồng thủy sản), sổ mục kê ghi tên người sử dụng đất là UBND xã. Bản đồ năm 2015 (chỉnh lý theo bản đồ 2005) toàn bộ thửa đất ao thuộc tờ bản đồ số 16 và được chia làm 02 thửa, thửa số 59, diện tích 211 m^2, loại đất BCS, sổ mục kê ghi tên người sử dụng là UBND xã, thửa số 139 diện tích 226 m^2 loại đất DTL (đất thủy lợi), sổ mục kê ghi tên người sử dụng là UBND xã. Đối với bản đồ năm 1998 có thể hiện diện tích đất ao này trong sổ mục kê toàn bộ thửa ao thuộc tờ bản đồ số 10 được chia làm 04 thửa, trong đó thửa đất số 108, diện tích 56 m^2, loại đất Ao, sổ mục kê tên chủ sử dụng đất ghi Nguyễn Khánh Tn. Nhưng bản đồ năm 1998 không có xác nhận của cơ quan chức năng, không được nghiệm thu, không có cơ sở pháp lý xác định ông Tn là chủ sử dụng đất đối với diện tích đất ông Tn khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 10-01-2017 với nội dung không công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Khánh Tn đối với một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, diện tích 211 m^2 là đúng pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Trung Hưng trình bày

Căn cứ hồ sơ, tài liệu lưu tại xã, tại bản đồ 299, một phần thửa đất gia đình ông Tn đang sử dụng thuộc số thửa 55, tờ bản đồ số 16, diện tích là 320 m^2 là đất ao, không có tên ông Cg, bà T* và ông Tn, bà Nn đăng ký trong sổ đăng ký đất đai. Tại bản đồ đo đạc năm 2005, một phần thửa đất gia đình ông đang sử dụng thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, diện tích 425 m^2 là đất nuôi trồng thủy sản, tên đăng ký trong sổ mục kê là do UBND xã quản lý. UBND xã không chỉ đạo và không gửi danh sách thu thuế cho ông Chung thu thuế diện tích đất trên. Ông Tn khai nộp thuế từ năm 1998 đến năm 2005 là không đúng vì năm 1998 xã mới thuê đoàn đo đạc về đo để xác định lại diện tích đất từng hộ. Việc đo đạc năm 1998 không được nghiệm thu nên địa phương không được sử dụng kết quả đo đạc này. Tháng 12/2011 thôn đã có biên bản yêu cầu gia đình ông dừng việc chuyển gạch, bơm cát vào ao. Thực hiện chỉ thị 299 ngày 18-12-1980 về việc đăng ký kê khai đất đai trên toàn quốc, địa phương tiến hành cho các hộ kê khai nhưng hộ ông Tn không kê khai diện tích đất ao này, mà chỉ kê khai diện tích đất ở. Vì vậy ông Tn khai ông mua bán, quản lý, sử dụng diện tích đất ao này từ năm 1976 là không có cơ sở. Ngày 15-5-2016 và ngày 18-7-2016 ông Tn nộp đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với bà Thêu, ông Năm, ông Bn ngay sau khi nhận được đơn. UBND xã đã ra Công văn số 04/UBND ngày 22-7-2016, sau đó ông Tn không đồng ý với Công văn này đã làm đơn khiếu nại. Ngày 22-9-2016, UBND xã đã ra quyết định số 84/QĐ-CTUBND ngày 22-9-2016 trả lời khiếu nại đối với ông Nguyễn Khánh Tn với nội dung giữ nguyên Công văn số 04/UBND ngày 22-7-2016.

4. Người làm chứng là Bà Đỗ Thị T trình bày:* Nguồn gốc ao mà ông Tn đang khởi kiện là của các cụ để lại cho mẹ chồng bà là Nguyễn Thị AM. Năm

1967 cụ AM cho vợ chồng bà. Tháng 10/1976 thì bán cho vợ chồng ông Tn. Khi bán có viết giấy tờ mua bán, có ông Chỉ là chủ tịch UBND xã xác nhận, do đã lâu bà không nhớ bán được bao nhiêu tiền, giấy tờ mua bán ông Tn giữ. Diện tích ao mà vợ chồng bà bán cho ông Tn khoảng hơn 50 m^2, bà không biết chính xác. Bà không biết ao này có được thể hiện trên giấy tờ, hồ sơ sổ sách của địa phương hay không. Từ năm 1967 đến năm 1976 vợ chồng bà quản lý sử dụng nhưng không phải đóng thuế. Việc đóng thuế do mẹ chồng bà đóng. Khi bán cho ông Tn gia đình ông Tn đã sử dụng để thả bèo.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ, tổ chức đối thoại theo quy định, các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 05/2018/HC-ST ngày 09-11-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Y đã căn cứ các khoản 1, 2, 8, 9 và 10 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; các điều 60, 115 và 116; điểm a khoản 2 Điều 193; các điều 206, 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 107 Luật đất đai năm 2003; khoản 14 Điều 22, các điều 100, 101 và 204 Luật đất đai năm 2013.

Điểm d khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; các điều 18, 36 và 37; khoản 1 Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; các điều 13; 14; 18 và 21 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh Tn về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Y.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Khánh Tn phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0000107 ngày 19-3-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Y. Trả lại ông Nguyễn Khánh Tn 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 011936 ngày 07-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Y.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-11-2018, ông Nguyễn Khánh Tn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyên M, công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với 56 m^2 của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Khánh Tn và bà Nn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện hủy quyết định giải quyết khiếu

nại, công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với gia đình ông.

Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện M đối với ông Tn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đại diện UBND xã Trung Hưng có mặt tại phiên tòa cho rằng việc hộ ông Tn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất tại thửa ao thửa số 59, tờ bản đồ số 16 là không có căn cứ; nội dung khiếu nại của ông Tn là không đúng.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị xem xét các nội dung liên quan đến nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng và việc gia đình nộp thuế sử dụng thửa đất cho thấy gia đình ông Tn là người sử dụng đất công khai, liên tục, không có tranh chấp; đã có tên trên bản đồ và sổ mục kê năm 1998; việc không công nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho hộ ông Tn là không đúng; đề nghị hủy Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10-01-2017 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện M và công nhận quyền sử dụng hợp pháp thửa đất cho ông Tn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Tn là có căn cứ; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện

Ngày 10-01-2017, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khánh Tn. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại; ngày 18-12-2017, ông Tn có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy quyết định nêu trên, công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho gia đình ông đối với phần diện tích đất ao 56 m^2, là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Y thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 18, khoản 1 Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; điểm d khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10-01-2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khánh Tn là đúng thẩm quyền.

Ngày 13-10-2016, ông Tn nộp đơn khiếu nại Quyết định số 84/QĐ-CTUBND ngày 22-9-2016 của Chủ tịch UBND xã Trung Hưng (khiếu nại lần 2). Sau khi thụ lý, giải quyết, Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành quyết định thành lập Đoàn xác minh bao gồm đại diện các đơn vị chức năng liên quan để xác minh nội dung khiếu nại của Ông Tn. Căn cứ quy định của pháp luật và kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại; ngày 10-01-2017, Chủ tịch UBND

huyện M đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khánh Tn là đúng trình tự, thủ tục ban hành, giải quyết khiếu nại.

Tại Quyết định nêu trên, Chủ tịch UBND huyện M đã quyết định không công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Khánh Tn đối với một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, diện tích 211 m^2.

Về cơ sở pháp lý:

Theo bản đồ 299 thửa đất ao ông Nguyễn Khánh Tn đang sử dụng thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 320 m^2. Không có tên đăng ký trong sổ đất đai. Theo bản đồ hiện trạng năm 2005, thửa đất ao có số thửa 59, tờ bản đồ số 16, diện tích 425 m^2, mã thửa là TSN (đất nuôi trồng thủy sản) đăng ký sổ mục kê là UBND xã quản lý. Hồ sơ địa chính chỉnh lý năm 2015 là thửa 59, tờ bản đồ số 16, thành các thửa: thửa số 59 diện tích 211m^2, mã thửa BCS (đất bằng chưa sử dụng) do gia đình ông Tn tự lấp ao năm 2011. Thửa số 139, diện tích 226 m^2, mã thửa là DTL (đất thủy lợi), tên đăng kí sổ mục kê là UBND xã. Trong khi đó, theo Bản đồ đo đạc năm 1998 thể hiện thửa đất trên thành 04 thửa đất ao gồm: thửa đất số 87 diện tích 255 m^2, thửa đất số 88 diện tích 57 m^2, thửa đất số 89 diện tích 56 m^2, trong đó thửa đất số 108 diện tích 56 m^2 tại sổ mục kê ghi chủ sử dụng là Nguyễn Văn Tn, thuộc tờ bản đồ số 10; tuy nhiên, bản đồ này không được nghiệm thu theo quy định nên không có căn cứ pháp lý.

Theo gia đình cung cấp trong quá trình sử dụng đã nộp thuế đất các năm 2004; 2005; 2007 với diện tích 535 m^2, trong đó có 482 m^2 đất ở hợp pháp của gia đình ông và 53 m^2 là phần thửa đất ao. Việc gia đình ông Tn nộp thuế đất ao là thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 107 Luật đất đai năm 2003, chưa phải là căn cứ xác định thửa đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Tn; đây chỉ là một trong các điều kiện để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, trong quá trình xác minh, giải quyết khiếu nại, ông Tn xác định năm 2012, gia đình ông đổ cát xây dựng trên thửa đất, UBND xã có nhắc nhở và có lập biên bản về việc này; thực tế khi kê khai diện tích đất của gia đình khi đo đạc bản đồ 299, gia đình ông Tn không kê khai diện tích đất ao nêu trên. Kết quả xác minh đối với các thửa đất liền kề, tại Biên bản làm việc ngày 02-12-2016, các ông Năm, Bốn và bà Thêu, đều khẳng định thửa đất ao là do UBND xã quản lý.

Ông Tn khai mua thửa đất ao của ông Cg, bà T* nhưng không cung cấp được giấy tờ mua bán. Bà T* khai nguồn gốc ao là do ông bà để lại, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích ao thuộc quyền sử dụng của gia đình bà; hiện nay trên giấy tờ sổ sách quản lý tại địa phương thể hiện thửa đất trên là do UBND xã quản lý; năm 2016 diện tích ao này đã xảy ra tranh chấp giữa các gia đình liền kề. Không đủ căn cứ xác định đất gia đình ông Tn đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp để công nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật; vì thế, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh Tn là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của

ông Tn và đề nghị của Luật sư tại phiên tòa.

Về án phí: Ông Tn sinh năm 1948, là người cao tuổi; mặc dù yêu cầu khởi kiện, kháng cáo không được chấp nhận nhưng theo quy định của pháp luật, ông Tn được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bác kháng cáo của ông Nguyễn Khánh Tn và giữ nguyên Bản án số 05/2018/HC-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Y về phần quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh Tn về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Y.

2. Miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Khánh Tn. Trả lại ông Tn 300.000 đồng tạm án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2014/0000107 ngày 19-3-2018 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0000158 ngày 19-11-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Y.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Y;
- VKSND tỉnh Y;
- Cục THA dân sự tỉnh Y;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NTN